**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

(Thời gian 90 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn và tục ngữ | **4** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thơ |
| Nghị luận xã hội |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc**  **hiểu** | **Truyện ngụ ngôn và tục ngữ** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của tục ngữ; công dụng của nói quá, nói giảm - nói tránh.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **Thơ** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được vẻ đẹp của từ ngữ và hình ảnh trong thơ.  - Xác định được dấu chấm lửng trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| **Nghị luận xã hội** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |
| **Tùy bút, tản văn** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.  **Vận dụng**:  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.** | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản phân tích nhân vật trong một tác phẩm.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:** Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.** | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được quan điểm của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  *(Đề thi gồm 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **Năm học 2023 – 2024**  Môn: **NGỮ VĂN 7**  Thời gian làm bài: *90 phút* |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)** Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

*Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*

*Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn vì thói quen hút thuốc lá, nên cũng có thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, cả trong phòng khách lịch sự, sạch bong. Người biết lịch sự thì còn sửa một chút bằng cách xin chủ nhà cho mượn cái gạt tàn.*

***Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường… Thói quen này thành tệ nạn…*** *Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác… Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến cho nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.*

*Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.*

*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên, mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.*

(Theo Băng Sơn, Giao tiếp đời thường, Ngữ văn 7, Nxb Giáo dục 2016)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong văn bản là:

A. Tự sự B. Nghị luận C. Miêu tả D. Thuyết minh

**Câu 2**. Câu văn: “*Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh. B. Nói quá C. Liệt kê. D. Hoán dụ.

**Câu 3.** Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:“*Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách… là thói quen tốt.*”

A. Có nhiều thói quen tốt.

B. Khẳng định ai cũng có thói quen tốt .

C. Nhấn mạnh những thói quen tốt để thức tỉnh mọi người.

D. Nhấn mạnh, chỉ rõ có rất nhiều thói quen tốt gần gũi, bình dị trong cuộc sống hàng ngày của mỗi chúng ta.

**Câu 4**. Phép liên kết nào được sử dụng trong đoạn văn in đậm?

A. Phép lặp, phép nối B. Phép thế, phép liên tưởng

C. Phép lặp, phép thế D. Phép lặp, phép liên tưởng

**Câu 5.** Theo tác giả, “*thói quen vứt rác bừa bãi”*gây ra những hậu quả gì?

A. Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác.

B. Trẻ em, cụ già giẫm phải cốc vỡ, chai vỡ, chảy máu chân rất nguy hiểm.

C. Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, mất vệ sinh nặng nề.

D. Con mương thành con sông rác, rác ùn ứ gây mất vệ sinh nặng nề, giẫm phải cốc vỡ, chai vỡ chảy máu chân nguy hiểm.

**Câu 6.** Câu tục ngữ: “*Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi”* thể hiện thói quen tốt đẹp nào?

A. Giữ lời hứa, giữ chứ tín B. Có tinh thần trách nhiệm

C. Chăm chỉ, tích cực học hỏi D. Sẵn lòng giúp đỡ người khác

**Câu 7:** Theo em, những thói quen tốt đem lại lợi ích gì cho bản thân và xã hội?

**Câu 8:** Tác giả Băng Sơn đã khẳng định: “*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.”* Em đã làm gì để rèn luyện cho bản thân mình những thói quen tốt?Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng ½ trang giấy kiểm tra) nêu suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm nhất.

*----Hết----*

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 7 – ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**NĂM HỌC 2023- 2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phần I (6,0 điểm)** | **Điểm** |
| **Trắc nghiệm**  **3,0 điểm** | 1. B  2. C  3. D  4. C  5. D  6. C | Mỗi câu 0,5 điểm |
| **Câu 7**  **1 điểm** | *- Bản thân: có nhiều thói quen tốt hơn, hoàn thiện bản thân, trở thành người tốt, người có ích, được yêu quý…*  *- Xã hội: nhiều người tốt, lan tỏa lối sống đẹp, xã hội văn minh, tiến bộ…* | 1 |
| **Câu 8**   1. **điểm** | - Hình thức: HS trình bày thành đoạn văn đúng yêu cầu từ 5 đến 7 dòng.  - Nội dung: Trình bày được những việc làm để rèn luyện thói quen tốt:  *+ Rèn kuyện thường xuyên*  *+ Quyết tâm thực hiện đến cùng*  *+ Không bỏ dở công việc*  *+ Xây dựng mục tiêu và hành động để thực hiện tốt mục tiêu đề ra* | 0,5 đ  1,5 đ |
|  | **Phần II ( 4,0 điểm)** |  |
| **Viết**  **4,0 điểm** | HS viết bài văn cần đảm bảo yêu cầu chung sau:  **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**  - Mở bài nêu được ý kiến tán thành về ý kiến đưa ra  - Thân bài triển khai được vấn đề NL theo trình tự lập luận.  - Kết bài khái quát được ý nghĩa vấn đề.  ***b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.**  Trình bày được suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống  ***c.* Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.**  **1. Mở bài:**  **-** Nêu được vấn đề cần bàn luận (đưa được ý kiến vào)   - Nêu được quan điểm cá nhân.  **2. Thân bài**  - Giải thích, bàn luận về vấn đề được quan tâm  - Học sinh nêu được các ý kiến, đưa bằng chứng, lí lẽ phù hợp, thuyết phục.  **3. Kết bài:** Khẳng định sự cần thiết duy trì/thay đổi vấn đề.  ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***e. Sáng* tạo:**  Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về vấn đề được đưa ra; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục  *HS có thể trình bày theo các cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo đúng đặc trưng văn NLXH (lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng liên hệ đời sống, phân tích đánh giá được các mặt của vấn đề…). Khuyến khích những bài làm thể hiện cách hiểu đúng về vấn đề và phương pháp.* | 0,25        0.25  0.25  2.5  0.25  0.5 |